

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Đối với các trường đại học, cao đẳng, việc rèn luyện kỹ năng, tay nghề cho sinh viên là nhiệm vụ mang tính chất sống còn trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, các nhà trường sư phạm nói chung và khoa Giáo dục đặc biệt nói riêng cũng luôn chú trọng tìm kiếm các giải pháp cho nhiệm vụ này.

Tiếp cận cá nhân trong dạy học là một xu thế của nền giáo dục hiện đại nhằm hướng tới những sản phẩm giáo dục có chất lượng. Đối với dạy học trẻ khuyết tật, việc tiếp cận cá nhân lại càng đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Có thể nói, muốn tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật điều kiện tiên quyết là trẻ cần có một chương trình giáo dục cá nhân. Vì thế, việc trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên sư phạm ngành Giáo dục đặc biệt về phát triển chương trình giáo dục cá nhân trẻ khuyết tật là hết sức quan trọng đối với các em sau khi tốt nghiệp ra trường, làm việc trực tiếp với TKT tại các cơ sở.

Đó chính là lý do chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu này.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Đề xuất các biện pháp để giúp sinh viên Cao đẳng sư phạm mầm non ngành giáo dục đặc biệt rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân trong thời gian đào tạo tại trường sư phạm.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình đào tạo GV ngành giáo dục đặc biệt bậc mầm non

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các hoạt động dạy học thuộc lĩnh vực đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên CĐSPMN ngành GDĐB: kỹ năng phát triển CTGD CN TKT

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Nếu các biện pháp tập trung vào những kỹ năng cơ bản trong phát triển chương trình giáo dục cá nhân, dựa vào những hoạt động dạy học trong các học phần Tổ chức thực hiện chương trình, Kế hoạch giáo dục cá nhân; dựa vào những nhiệm vụ cụ thể thực hiện tại các đợt thực hành, thực tập sư phạm cũng như việc hướng dẫn sinh viên tiếp tục thường xuyên rèn luyện sau khi tốt nghiệp thì các biện pháp này sẽ hỗ trợ tốt việc học kỹ năng xây dựng chương trình cá nhân của sinh viên ngành giáo dục đặc biệt sư phạm mầm non.

5. GIỚI HẠN VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Chúng tôi nghiên cứu tại các trường CĐSP đào tạo GVGDĐB bậc mầm non (khoa GDĐB); GV dạy hòa nhập tại địa bàn Hà Nội, Bắc Cạn và Hồ Chí Minh

- Đề tài sẽ tập trung nghiên cứu vào khâu giảng dạy, thực hành bộ môn của học phần Tổ chức thực hiện chương trình, Kế hoạch giáo dục cá nhân và thực hành thực tập cho sinh viên để chú trọng hơn vào các kỹ năng sau của KN PTCT GDCN: Kỹ năng đánh giá, phát hiện nghi ngờ ở trẻ (KN PHNN), Kỹ năng xác định nhu cầu cá nhân (XĐNCCN), Kỹ năng lập kế hoạch và thiết kế chương trình GD (KNTKCT), Kỹ năng phân tích và thiết kế các hoạt động dạy học (KN PT&TKDH)

6. NHỮNG LUẬN ĐIỂM BẢO VỆ

6.1. Kế hoạch giáo dục cá nhân là một công cụ hữu hiệu bắt buộc phải có khi làm việc với TKT và do chính giáo viên phát triển trong điều kiện của lớp mình.

6.2. Phát triển chương trình giáo dục cá nhân đòi hỏi các kỹ năng tổ hợp bao gồm các nhóm kỹ năng cơ bản sau đây: Kỹ năng quan sát, phát hiện những dấu hiệu nghi ngờ ở trẻ; Kỹ năng đánh giá và xác định nhu cầu hỗ trợ cá nhân; Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình giáo dục cá nhân; Kỹ năng phân tích chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp với từng trẻ; Kỹ năng đánh giá chương trình giáo dục và thực hiện chương trình giáo dục cá nhân TKT.

6.3. KN PTCT GDCN không phải tự nhiên hoặc ngày một ngày hai có được mà cần được rèn từ quá trình bắt đầu đào tạo trong trường sư phạm đến thời kỳ hoạt động nghề nghiệp của giáo viên và nhà trường có thể tổ chức, hướng dẫn sinh viên rèn luyện trong các nhiệm vụ thực hành sư phạm và thực hành bộ môn

7. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

7.1. Xây dựng cơ sở lý luận của việc rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân cho SVCĐSP ngành GDDB

7.2. Xác định cơ sở thực tiễn của việc rèn luyện KN PTCT GDCN trong ngành sư phạm giáo dục đặc biệt bậc mầm non

7.3. Đề xuất các biện pháp dạy học nhằm rèn luyện KN PTCT GDCN cho SV

7.4. Tổ chức thực nghiệm sư phạm ở các cơ sở đào tạo GV ngành GDDB bậc MN

8. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

8.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận: Phân tích, tổng hợp lý thuyết về những vấn đề liên quan và khái quát hóa để xây dựng hệ thống khái niệm

8.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp điều tra giáo dục, sử dụng phiếu hỏi để nghiên cứu thực trạng; Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục về chương trình giáo dục cá nhân; Thực nghiệm sư phạm

8.3. Phương pháp chuyên gia

8.4. Phương pháp xử lý thống kê

9. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

9.1. Về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận án bổ sung và làm phong phú về lý luận rèn luyện KN PTCT GDCN cho người GV dạy TKT ; xác định những nội dung cụ thể cho việc rèn luyện kỹ năng này ở một người GV trình độ cao đẳng bậc mầm non; xác định những yêu cầu cũng như những biện pháp cụ thể để rèn luyện KN PTCT GDCN TKT (TKT) cho SV ngành giáo dục đặc biệt bậc mầm non... nhằm nâng cao hiệu quả của việc đào tạo những GV đáp ứng được yêu cầu thực tiễn dạy TKT .

9.2. Về mặt thực tiễn: Kết quả nghiên cứu thực tiễn của luận án giúp các nhà nghiên cứu giáo dục, giảng viên, GV xác định những vai trò cũng như những yêu cầu cụ thể của việc rèn luyện KN PTCT GDCN của một GV dạy TKT ; đối chiếu với thực tiễn đã đạt được, bao gồm cả mặt thuận lợi và khó khăn, để từ đó họ xác định cho mình cách thức hình thành và hoàn thiện hơn nữa kỹ năng vô cùng cần thiết của người GV dạy TKT: KN PTCT GDCN .

9.3. Kết quả thực nghiệm các biện pháp dạy học trong rèn luyện KN PTCT GDCN cho SVCĐSP ngành giáo dục đặc biệt bậc mầm non đóng góp sự khẳng định: 1/Rèn luyện kỹ năng phát triển CTGDCN là quá trình bắt đầu đào tạo trong trường sư phạm đến thời kỳ hoạt động nghề nghiệp của GV. 2/Trong giai đoạn đào tạo sư phạm thì nhà trường cần phải chỉ ra SV cần rèn luyện những nội dung cụ thể nào của kỹ năng này cũng như để rèn luyện kỹ năng này thì phải rèn như thế nào. Điều đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GV cũng như chất lượng dạy học TKT .

10. CẤU TRÚC LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục các công trình công bố liên quan tới đề tài nghiên cứu, luận án được cấu trúc thành 4 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận của việc rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân ở trường sư phạm

Chương 2. Cơ sở thực tiễn của việc tổ chức rèn luyện KN PTCT GDCN hóa cho SV SP giáo dục đặc biệt bậc mầm non

Chương 3. Các biện pháp nhằm giúp SV rèn luyện KN PTCT GDCN ở trường SP

Chương 4. Thực nghiệm sư phạm

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC DẠY HỌC NHẪM RÈN LUYỆN KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TKT CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM MẦM NON NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

1.1.1. Những nghiên cứu trên thế giới

➤ *Những nghiên cứu về dạy học nhằm rèn luyện kỹ năng*

Vào những năm 20, 70 của thế kỷ XX các nhà Giáo dục học Xô Viết như: H.K.Kruxpkai, A.X Macarenco, A.N Lêônchep, X.I Kixegov, V.V.Tseburseva, N.V.Savin, O.A.Abdullina, A.V.Petropxkin, N.V.Kuzomina... với các công trình nghiên cứu về kỹ năng hoạt động sư phạm và việc rèn luyện kỹ năng sư phạm, xác định những kỹ năng cụ thể quá trình đào tạo SV thành người chuyên gia, người thầy giáo gồm các nhóm kỹ năng cơ bản là: 1). Nhóm kỹ năng nhận thức; 2). Nhóm kỹ năng thiết kế; 3). Nhóm kỹ năng kết cấu; 4). Nhóm kỹ năng giao tiếp; 5). Nhóm kỹ năng tổ chức. Như vậy, việc nghiên cứu lý thuyết rèn kỹ năng PTCT GDCN cũng phải cần xuất phát, căn cứ vào việc rèn các nhóm kỹ năng trên

➤ *Những nghiên cứu về dạy học nhằm rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình GDCN*

Bác sĩ kiêm nhà giáo dục người Pháp - Jean Mare Gaspard Itard, người được coi như đặt nền móng cho CT GDCN và các nhà GD khác như Seguin, Rousseau, Samuel Gridley Howe, Ovide Decroly, Wallin, Maria Montessori... các ý tưởng vận dụng các mục tiêu và chiến lược hướng dẫn, giảng dạy vào việc phát triển nhu cầu và điểm mạnh của từng đứa trẻ, hay chính là “chương trình giáo dục cá nhân” và nó đã trở thành dấu hiệu để xác định chất lượng của Giáo dục đặc biệt. Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng các GV phải nỗ lực tìm ra bản chất tinh thần vốn có của mỗi trẻ, tức tìm ra mối quan tâm và sự tò mò của trẻ để đưa vào tập luyện - đó những kỹ năng cần thiết của GV khi thực hiện chương trình GDCN cho TKT. Các nghiên cứu cũng tập trung vào các vấn đề như việc tổ chức lớp học thành các đơn vị nhỏ theo chủ đề, hay chính là các góc hoạt động của lớp mẫu giáo ngày nay và cũng là cơ sở của dạy học đáp ứng sự cá biệt, một trong những yêu cầu trong chương trình giáo dục cá nhân. Hay những nghiên cứu về phương pháp “trẻ em cần nhận được sự trân trọng của người lớn như những cá thể riêng biệt” – đó cũng là một quan điểm xuất phát để đảm bảo cho một chương trình giáo dục cá nhân phù hợp, hiệu quả

Những lý thuyết về phát triển chương trình GDCN

Các lý thuyết về nhận thức của Jean Piaget với sự phân chia các giai đoạn nhận thức; Thuyết xã hội – văn hóa của L.S. Vygotski với “vùng phát triển gần nhất”; thuyết Thuyết tâm lý xã hội của Erik Erikson; Thuyết hành vi của Skinner B. F là những căn cứ khoa học cơ bản trong việc xây dựng chương trình GDCN, lựa chọn phương pháp hỗ trợ phù hợp, đáp ứng những mức độ và đặc điểm phát triển của mỗi trẻ. Đặc biệt hơn, lý thuyết các cấp độ và các giai đoạn trong phát triển người của Tanaka Masato với việc xác định các giai đoạn “bước ngoặt”, “thao tác nghịch đảo/nghịch đảo xoay chiều” và thời kỳ “động lực” là những cơ sở lý giải mang tính khoa học cho việc những trẻ phát triển chậm chễ là do trẻ đang “tích lũy” để tạo bước “nhảy vọt” hay “sự phát triển thoái lui” của TKT. Đây là những căn cứ để GV xác định và có thể xây dựng chương trình cá nhân cho trẻ một cách hữu hiệu nhất.

1.1.2. Những nghiên cứu tại Việt nam

Năm 1993 bác sĩ Phạm Văn Đoàn với cuốn “Trẻ chậm khôn” đề cập đến kỹ năng cần có để có thể xây dựng được một chương trình GDCN phù hợp cho một trẻ cụ thể

Các tác giả như Trịnh Đức Duy, Nguyễn Xuân Hải, Phạm Minh Mục... có đề cập đến cấu trúc, thành phần của một bản Kế hoạch GDCN cho từng loại trẻ khuyết tật cũng như quy trình xây dựng KHGDCN cho TKT - những căn cứ cơ bản cho việc rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình GDCN.

Nhóm nghiên cứu đề tài B2005-14 của Nguyễn Thị Thanh và cộng sự đã xác lập được bốn nhóm kỹ năng sinh viên ngành GDĐB sau khi tốt nghiệp cần đạt được và một trong bốn KN đó là *việc đánh giá trẻ, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân là những kỹ năng nghề nghiệp bắt buộc phải có của SV GDĐB*. Nhóm nghiên cứu cũng đưa ra được quy trình rèn luyện các kỹ năng nghề này gồm 4 giai đoạn. Tuy nhiên, trong chuẩn đầu ra vẫn chưa xác định rõ những tiêu chí cụ thể cho những kỹ năng của GV hỗ trợ cá biệt cho TKT; các kỹ năng vẫn tập trung nhiều vào hỗ trợ nhóm lớp chung; với TKT mới dừng lại ở yêu cầu lập KHGDCN chứ chưa đề cập đến phát triển chương trình mà KHGDCN chỉ là một phần trong kỹ năng PTCTGDCN cho TKT. Đặc biệt, các kỹ năng về đánh giá mới chỉ dừng lại ở quan sát, các kỹ năng đánh giá chưa xác định các cấp độ cụ thể của một chương trình GDCN TKT: đánh giá sàng lọc → đánh giá xác định → đánh giá thực hiện chương trình và đánh giá thẩm định chương trình.

Năm 2010, Hội thảo Việt – Nhật về Phát triển Kế hoạch giáo dục cá nhân cho TKT có nhiều bài viết tập trung nhấn mạnh đến ý nghĩa, vai trò của Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với TKT cũng như chia sẻ những kinh nghiệm về việc xây dựng một kế hoạch GDCN hiệu quả, đặc biệt có bài viết và tham

luận của GS.TS Nguyễn Thị Hoàng Yến về “Đánh giá trong quá trình xây dựng KHGDCN cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở Việt Nam”. Bản tham luận đã đưa ra được đề xuất về các loại chương trình GDCN cho Việt nam gồm: Chương trình PHCN- Giáo dục cá nhân cho trẻ từ 2-5 tuổi, với sự chú trọng nhiều hơn đến các dịch vụ, các chương trình PHCN; Chương trình PHCN- Giáo dục cá nhân cho trẻ từ 6-9 tuổi, với sự chú trọng nhiều hơn đến các dịch vụ, các chương trình GD; và Chương trình giáo dục cá nhân với các nhu cầu về dịch vụ chuyên tiếp như chuyên lớp, chuyên cấp, dạy kỹ năng sống, hướng nghiệp, dạy nghề. GS.TS Nguyễn Thị Hoàng Yến cũng còn đề cập tới một quy trình xây dựng chương trình giáo dục cá nhân hoàn chỉnh gồm: 1. Phát hiện vấn đề của trẻ; 2. Tìm kiếm sự trợ giúp; 3. Xác định vấn đề của trẻ; 4. Xác định những dịch vụ giáo dục cá nhân có chất lượng cho trẻ; 5. Chỉ định rõ một chương trình cá nhân; 6. Thực hiện KHGDCN thông qua việc cung cấp các dịch vụ và 7. Đánh giá lại. Và đây có thể coi như định hướng PTCT GDCN cấp vĩ mô.

1.2. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.2.1. Trẻ khuyết tật

Theo Luật người khuyết tật: TKT là những trẻ có những khiếm khuyết về cấu trúc hoặc các chức năng cơ thể hoạt động không bình thường dẫn đến gặp khó khăn nhất định và không thể theo được chương trình giáo dục phổ thông nếu không được hỗ trợ đặc biệt về phương pháp giáo dục - dạy học và những trang thiết bị trợ giúp cần thiết và được phân thành: KT vận động; KT nghe, nói; KT nhìn; KT trí tuệ; KT thần kinh, tâm thần; KT khác (đa tật, học khó...)

1.2.2. Phát triển chương trình

Có nhiều cấp độ khi nói đến PTCT, trong khuôn khổ luận án, chúng tôi tiếp cận khái niệm Phát triển chương trình theo mức độ hẹp nhất: xuất phát từ việc GV quan sát, đánh giá nhu cầu của trẻ TKT để xây dựng, điều chỉnh, thiết kế các hoạt động tổ chức sao cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của mỗi trẻ cũng như việc tổ chức thực hiện và đánh giá việc tổ chức thực hiện đó.

1.2.3. Chương trình giáo dục cá nhân

Chương trình giáo dục cá nhân được hiểu là những nội dung kiến thức và kỹ năng được xây dựng theo một mục tiêu được xác định sẵn trên cơ sở đánh giá nhu cầu và khả năng của một trẻ nhằm thay đổi chúng theo hướng phát triển tích cực

1.2.4. Kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân

Kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân là một dạng hành động được chủ thể thực hiện một cách tự giác dựa trên tri thức về một chương trình giáo dục mà ở đó nó đáp ứng nhu cầu, đặc điểm cá nhân từng trẻ, đem lại

hiệu quả về sự thay đổi tích cực cho chính đứa trẻ đó. Nó bao gồm các nhóm kỹ năng cơ bản sau đây: 1/Kỹ năng quan sát, phát hiện những dấu hiệu nghi ngờ ở trẻ; 2/Kỹ năng đánh giá và xác định nhu cầu hỗ trợ cá nhân; 3/Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình giáo dục cá nhân; 4/Kỹ năng phân tích chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp với từng trẻ và 5/Kỹ năng đánh giá chương trình và việc thực hiện chương trình giáo dục cá nhân TKT.

1.2.5. Rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân

Là quá trình chủ thể được thực hành, thực tập một cách có hệ thống và thuần thục những kiến thức, kỹ năng về tìm hiểu một TKT, xác định nhu cầu cần hỗ trợ cũng như khả năng của trẻ này từ đó xác định rõ những mục tiêu, nội dung chương trình nhằm thực hiện những mục tiêu hỗ trợ trẻ đó.

1.3. DẠY HỌC CAO ĐẲNG VÀ CON ĐƯỜNG RÈN LUYỆN KỸ NĂNG

1.3.1. Đặc điểm của quá trình dạy học ở trường đào tạo giáo viên mầm non ngành giáo dục đặc biệt

Cũng giống như đặc điểm quá trình dạy học ở Đại học nói chung, quá trình dạy học tại các cơ sở đào tạo GVMN ngành GDĐB trình độ Cao đẳng về mặt bản chất là quá trình nhận thức có tính chất nghiên cứu của SV dưới vai trò định hướng của giảng viên nhằm trang bị tri thức khoa học và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV trong suốt ba năm học. Tại các trường CĐ đào tạo GV GDĐB thời lượng và cách thức tổ chức chú trọng nhiều đến việc rèn kỹ năng, tay nghề cho SV trong suốt ba năm học.

1.3.2. Con đường dạy học và việc rèn luyện kỹ năng

Theo PGS.TS Đặng Thành Hưng, bản chất của dạy học chính là việc gây ảnh hưởng có chủ định đến người học, hành vi học tập và quá trình học tập của người học, tạo ra môi trường và những điều kiện để người học duy trì việc học, cải thiện hiệu quả học tập, chất lượng học vấn, kiểm soát quá trình và kết quả học tập của mình

Với ý nghĩa và sứ mệnh đó, khi thực hiện vai trò của một cơ sở đào tạo giáo viên mà ở đây là GV dạy TKT thì kỹ năng cơ bản cần được rèn luyện cụ thể là: 1/ Hiểu biết về trẻ khuyết tật và người học nói chung; 2/ Hiểu bản chất và đặc điểm của dạy học trẻ khuyết tật và những vấn đề phát sinh trong học tập; 3/ Lãnh đạo được TKT và nhóm lớp; 4/ Quản lý TKT quá trình học tập của TKT và môi trường học của trẻ; 5/ Thiết kế bài học, lập KHGD; 5/ Thực hiện dạy học có vận dụng các PP dạy học TKT

1.4. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN HIỆU QUẢ CHO TKT

1.3.1. Tính cá nhân

Chương trình giáo dục cá nhân là chương trình dành riêng cho trẻ. Sẽ không có một chương trình chung dành cho mọi TKT, thậm chí ngay cùng dạng khuyết tật

1.3.2. Giải quyết trực tiếp các khó khăn do khuyết tật gây ra

Một chương trình GDCN cho TKT hoàn chỉnh cần giải quyết các vấn đề của trẻ dựa trên kết quả đánh giá về mức độ chức năng hiện tại, đặc biệt là các kỹ năng đặc thù.

1.3.3. Có sự kết hợp giữa nhiều nhà chuyên môn và đảm bảo sự tham gia tối đa của trẻ

Các quyết định giáo dục quan trọng đối với TKT được đưa ra bởi một nhóm, hơn là chỉ một cá nhân. Nhóm này có thể bao gồm cha mẹ của trẻ và các nhà chuyên môn đại diện cho cơ sở trực tiếp dạy trẻ, các chuyên gia GDĐB, tâm lý học, trị liệu ngôn ngữ và lời nói, thầy thuốc, và các lĩnh vực khác khi cần thiết sẽ giúp xác định những mục đích thiết thực cần đạt cho trẻ dựa trên khả năng và nhu cầu của các em.

1.2.4. Đảm bảo tính liên tục, phát triển.

Một chương trình giáo dục cá nhân hoàn hảo cho một TKT, cần thiết phải đảm bảo tính liên tục và nhất quán trong các dịch vụ hỗ trợ thể hiện trong quá trình triển khai chương trình tại các môi trường khác nhau: chuyên biệt, hòa nhập; tại trung tâm, tại trường; tại nhà... Nó phải đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ cũng như tần xuất thực hiện các hoạt động trong đó có tính tới các điều kiện triển khai chương trình.

1.5. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GDCN CHO TKT

1.5.1. Các yếu tố thuộc về người dạy

Để có thể trả lời câu hỏi “dạy gì cho trẻ và dạy thế nào”, người GV cần có những hiểu biết và kỹ năng về: 1/Mức độ nghiên cứu và hiểu rõ nhu cầu cá nhân trẻ; 2/Khả năng phân tích dạy học và thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với từng trẻ; 3/Nhận thức lí luận phù hợp về chương trình và phát triển chương trình giáo dục hiện đại

1.5.2. Các yếu tố về trẻ

Một chương trình GDCN hiệu quả phụ thuộc rất nhiều vào chính bản thân đứa trẻ: trẻ đón nhận và nỗ lực thực hiện theo chương trình đó sẽ góp phần vào kết quả cuối cùng của trẻ, có khi mang tính quyết định. Đôi khi kết quả có thể từ sự phát triển thuộc yếu tố tự nhiên, sinh học. Những khiếm

khuyết và mức độ khuyết tật cũng ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chương trình

1.5.3. Các phương tiện, điều kiện phát triển chương trình

Theo quan điểm của Jean Vial những điều kiện về cơ sở vật chất-kỹ thuật như điều kiện về thông tin, điều kiện về quản lý nhà trường và cơ chế điều hành bộ máy như luật lệ, nội quy, phân công, phân cấp... là những yếu tố cũng cần phải tính khi xây dựng, phát triển CT

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

1. Chương trình giáo dục cá nhân được hiểu là những nội dung kiến thức và kỹ năng được xây dựng theo một mục tiêu được xác định sẵn trên cơ sở đánh giá nhu cầu và khả năng của một trẻ nhằm thay đổi chúng theo hướng phát triển tích cực.

2. Kỹ năng phát triển chương trình là một dạng hành động được chủ thể thực hiện một cách tự giác dựa trên tri thức về một chương trình giáo dục mà ở đó nó đáp ứng nhu cầu, đặc điểm cá nhân từng trẻ, đem lại hiệu quả về sự thay đổi tích cực cho chính đứa trẻ đó. Nó bao gồm hệ thống các kỹ năng: 1/Kỹ năng quan sát, phát hiện những dấu hiệu nghi ngờ ở trẻ; 2/Kỹ năng đánh giá và xác định nhu cầu hỗ trợ cá nhân; 3/Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình giáo dục cá nhân; 4/Kỹ năng phân tích chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp với từng trẻ và 5/Kỹ năng đánh giá chương trình và việc thực hiện chương trình giáo dục cá nhân TKT.

3. Kỹ năng PTCT GDCN là một trong những KN quan trọng nhất trong việc thực hiện công tác chuyên môn hàng ngày của người GV GDĐB khi họ làm việc với TKT. Tổ chức RLKN PTCT GDCN là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình rèn luyện tay nghề cho SV; nó phải được thực hiện trong suốt quá trình học tập ở trường Cao đẳng, đặc biệt trong thời gian SV kiến tập, TH và TTSP tại trường MN cũng như các cơ sở GD.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TỔ CHỨC RÈN LUYỆN KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO SINH VIÊN CĐSP MẦM NON NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

2.1. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN SƯ PHẠM MẦM NON GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

2.1.1. Mục tiêu chương trình đào tạo giáo viên sư phạm mầm non ngành Giáo dục đặc biệt

Các mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo GVMN ngành GDĐB có đề cập và xác định rõ những yêu cầu thuộc *kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân*

2.1.2. Nội dung chương trình đào tạo giáo viên ngành Giáo dục đặc biệt bậc mầm non

Trong Chương trình khung của Bộ GD & ĐT ban hành, các kỹ năng PTCT GDCN đã được tích hợp trong khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và thực hành thực tập

2.2. NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN GDĐB BẬC MN TRONG TỔ CHỨC RÈN LUYỆN KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO SINH VIÊN.

Trong việc tổ chức rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN tại các cơ sở đào tạo GVMN ngành GDĐB có gặp nhiều yếu tố thuận lợi như: Chương trình đào tạo đều có những phần kiến thức liên quan đến nội dung rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân cho TKT; Đội ngũ giảng viên được đào tạo Giáo dục đặc biệt gần như toàn bộ chiếm từ 86% đến 100%. 100% cán bộ giảng viên đều có trình độ Đại học trở lên; các trường này đều có hệ thống cơ sở thực hành là các trường mầm non và Trung tâm CTS phục vụ đào tạo.

2.3. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

2.3.1. Mục tiêu khảo sát

Tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng tổ chức rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân cho sinh viên khoa GDĐB tại các trường CĐSP làm cơ sở thực tiễn để đề ra những biện pháp rèn luyện kỹ năng này cho SV tại các cơ sở đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt bậc mầm non.

2.3.2. Nội dung và đối tượng khảo sát

- Nhận thức và đánh giá của giáo viên dạy trẻ, của sinh viên và giảng viên về CT GDCN cho TKT và kỹ năng PTCT GDCN của người giáo viên dạy TKT.
- Thực trạng việc tổ chức rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN cho sinh viên ngành GDĐB bậc MN tại các trường CĐSP

2.3.3. Bộ công cụ khảo sát.

Để thu thập thông tin cho các nội dung nghiên cứu thực trạng trên đây, chúng tôi đã thiết kế các bộ công cụ khảo sát (xem Phụ lục)

2.3.4. Phương pháp khảo sát

Các PP khảo sát được sử dụng: Điền phiếu khảo sát; Dự giờ quan sát; Phỏng vấn sâu và Nghiên cứu sản phẩm

2.3.5. Phương pháp xử lý số liệu

Kết quả điểm được tính toán và xử lý bằng toán thống kê. Từ các kết quả định lượng rút ra các nhận xét, kết luận định tính

2.4. THỰC TRẠNG VỀ NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN, GIẢNG VIÊN VÀ GIÁO VIÊN MẦM NON VỀ KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN

2.4.1. Nhận thức của giáo viên mầm non về CTGDCN và kỹ năng PTCT GDCN cho TKT

Hầu hết giáo viên đều đánh giá cao với các ý kiến rất đồng nhất và cho rằng CT GDCN đều rất thiết thực và ý nghĩa với trẻ, với sự tiến bộ của trẻ, đặc biệt giúp trẻ tham gia các hoạt động và thực sự hòa nhập; CTGDCN cũng có ý nghĩa đối với hoạt động dạy học của giáo viên nói chung, thể hiện M đều trên 4,0 (từ 4,07 đến 4,64) và chỉ số SD đều xấp xỉ đạt 0,5.

2.4.2. Nhận định của giảng viên sư phạm về CTGDCN và kỹ năng PTCT GDCN của người giáo viên dạy TKT

Kết quả thống kê cho thấy: nhận định chung của tất cả giảng viên khoa Giáo dục đặc biệt đều đánh giá cao vai trò của kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân; xác định được các nhóm kỹ năng PTCT và cũng xác định các học phần, nội dung liên quan đến việc tổ chức rèn luyện kỹ năng này trong đó quan trọng nhất là các học phần: Tâm lý trẻ em, Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch GDCN và đặc biệt các đợt thực hành, thực tập. Các kỹ năng này đều có điểm trung bình cao M từ 4,14 đến 4,64. Các câu trả lời tương đối nhất quán thể hiện chỉ số SD đều dưới 1 (từ 0,49; 0,54; ... đến 0,87).

2.4.3. Nhận thức của sinh viên mầm non về CTGDCN và kỹ năng PTCT GDCN cho TKT

Kết quả cho thấy: hiểu biết của sinh viên về chương trình giáo dục cá nhân tương đối tốt M = 4,60 và các ý kiến rất tập trung SD = 0,64. Đa số ý kiến đều xác định và đánh giá vai trò quan trọng của kỹ năng này. Về KN phát triển chương trình GDCN của sinh viên lại không tốt bằng với M = 3,44 và các ý kiến khá thuận SD = 0,76

2.5. THỰC TRẠNG VIỆC TỔ CHỨC RÈN LUYỆN KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO SINH VIÊN

2.5.1. Thực trạng về Chương trình và các hoạt động giảng dạy

Thông qua phiếu hỏi, yêu cầu GVMN tự đánh giá kỹ năng PTCT GDCN của mình, kết quả cho thấy: Với kỹ năng quan sát, phát hiện các dấu hiệu “ngủ” ở trẻ là có KN. Tuy nhiên các thao tác khác lại rất hạn chế như GVMN chưa có thói quen lập kế hoạch quan sát cũng như quan sát theo những công cụ để nhận diện TKT. Các KN Lập KH, xây dựng CTGDCN và Đánh giá CT và việc thực hiện CTGDCN hầu như GVMN còn hạn chế và hiện nay GVMN mới chỉ chú ý nhiều đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục và cho rằng đây là là một kỹ năng quan trọng và cần thiết (M = 4,04), ý kiến tương đối tập trung SD = 0,71;

Riêng đối với KN đánh giá chương trình và việc tổ chức thực hiện GDCN và KN đánh giá, xác định nhu cầu cá nhân, các ý kiến đều cho thấy nhận định về nội dung trang bị KN này trong quá trình đào tạo chưa được chú trọng với tỉ lệ là 40,2% và 32,3 %

2.5.2. Thực trạng về việc tổ chức rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình GDCN cho sinh viên sư phạm mầm non giáo dục đặc biệt

Các cơ sở đào tạo đều chú ý và có những nội dung rèn luyện kỹ năng này trong quá trình tổ chức nhưng hầu hết mới chỉ tập chung vào kỹ năng Day học, các kỹ năng khác còn chưa được tổ chức rèn luyện một cách hợp lý

2.5.3. Thực trạng các biện pháp rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật của sinh viên

Môn học KHGDCN và tổ chức thực hiện chương trình có nhiều nội dung liên quan đến kỹ năng PTCT GDCN như: đánh giá, xác định mức độ chức năng hiện tại của trẻ; lập kế hoạch; tổ chức thực hiện chương trình... Tuy nhiên, tại CĐSP TW thì có nhiều ND này song mới chỉ dung lại ở thực hành tại trường Cao đẳng; ngay tại các giờ lên lớp, việc tổ chức rèn những kỹ năng này còn hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ các biện pháp SV tự rèn luyện KNPTCT GDCN của SV ở mức độ tương đối thấp, điểm trung bình $m=2,80$; $2,86$; $2,89$ và độ phân tán Sd là $0,88$; $0,86$ và $0,89$. (xem thêm phụ lục 2.4.2)

Khảo sát GVSP về thực hiện rèn KN PTCT GDCN cho SV liên quan đến bộ môn của mình và chiếm tỉ lệ là 89,8%, 45,9 % số GV lồng ghép nhiệm vụ PTCT GDCN trong khi thực hành ở trường mầm non

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua quá trình tìm hiểu thực trạng việc tổ chức rèn luyện KN PTCT GDCN cho sinh viên tại 3 cơ sở đào tạo giáo viên Giáo dục đặc biệt trình độ cao đẳng bậc mầm non, chúng tôi nhận thấy:

Thứ nhất, từ giáo viên dạy mầm non, sinh viên và các giảng viên đều có nhận thức cơ bản về KN PTCT GDCN TKT. Họ đều cho rằng: PTCT GDCN là một KN cơ bản, quan trọng của người giáo viên GDĐB MN

Thứ hai, trong chương trình đào tạo của mình, các cơ sở đào tạo này đều có những nội dung học phần liên quan đến các nhóm kỹ năng phát triển chương trình GDCN, thời lượng thực hành thực tập được dành phần lớn thời gian cho rèn luyện tay nghề để sinh viên dạy TKT, trong đó có những nội dung liên quan đến việc rèn luyện KN PTCT GDCN

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy trong quá trình rèn luyện KN PTCT GDCN cho sinh viên tại các cơ sở này còn tồn tại một số vấn đề trong việc xác định các nội dung kỹ năng PTCT GDCN đầy đủ và biện chế chúng vào trong quá trình tổ chức đào tạo sao cho hợp lý và hiệu quả nhất.

CHƯƠNG 3. CÁC BIỆN PHÁP NHẪM GIÚP SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT RÈN LUYỆN KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ NHÂN Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

3.1. THIẾT KẾ NỘI DUNG RÈN LUYỆN KỸ NĂNG PTCT GDCN CHO SINH VIÊN NGÀNH GDĐB TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG BẠC MẦM NON.

3.1.1. Mục đích

Xây dựng nội dung và thiết kế nội dung rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình GDCN nhằm mục đích có được nội dung rèn luyện kỹ năng này bằng cách tích hợp giữa lý thuyết và thực hành hợp lý góp phần nhanh chóng hình thành, phát triển kỹ năng này của sinh viên đặc biệt là trong TTSP, đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng rèn luyện tay nghề cho sinh viên ngành GDĐB.

3.1.2. Nội dung và cách thức thực hiện

3.1.2.1. Xây dựng mục tiêu rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN

Xây dựng mục tiêu rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN cho sinh viên CĐSP ngành GDĐB trong TTSP nhằm có được mục tiêu rèn luyện kỹ năng này một cách cụ thể, làm cơ sở cho việc xây dựng nội dung, quy trình và tiêu chí, chuẩn, công cụ đánh giá kết quả rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN cho giáo viên dạy TKT bậc mầm non.

3.1.2.2. Xây dựng nội dung rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN.

3.1.2.2.1. Nội dung và yêu cầu rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN

Bảng 3.1. Các nhiệm vụ và công việc người GV dạy TKT phải thực hiện khi PTCT GDCN

TT	Nhiệm vụ	Công việc
1	A. Quan sát, phát hiện những dấu hiệu “nghĩ ngờ” ở trẻ	A01. Lập kế hoạch quan sát
2		A02. Phỏng vấn/tương tác với trẻ và những người liên quan
3		A03. Nghiên cứu hồ sơ của trẻ
4		A04. Quan sát trẻ qua các hoạt động
5		A05. Tổng hợp kết quả quan sát, nghiên cứu, đối chiếu sự phát triển ở trẻ bình thường
6	B. Đánh giá và xác định nhu cầu cần hỗ trợ của trẻ	B01. Xác định công cụ đánh giá
7		B02. Xác định nội dung, yêu cầu cụ thể trong buổi đánh giá
8		B03. Xác định các điều kiện để đánh giá
9		B04. Tiến hành đánh giá

10		B05. Tổng hợp kết quả đánh giá và xác định cụ thể các nhu cầu cần hỗ trợ trẻ
16	C. Lập kế hoạch, thiết kế chương trình GD cho cá nhân TKT	C01. Xác định cơ sở, nguyên tắc xây dựng CT
17		C02. Xác định những nội dung, hoạt động cụ thể trong kế hoạch và phân phối nội dung CT
18		C03. Xác định những đối tượng tham gia theo từng nhiệm vụ cụ thể trong CT
19		C04. Xác định những điều kiện cụ thể để triển khai CT
20		C05. Xác định phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện CT
21		C06. Xác định hình thức thiết kế của CT
22	D. Phân tích dạy học và thiết kế hoạt động dạy học	D01. Xác định đặc điểm đối tượng DH
23		D02. Xác định trọng tâm nội dung DH, mục đích – yêu cầu dạy học và “can thiệp”
24		D03. Xác định hình thức tổ chức dạy học
25		D04. Xác định phương pháp dạy học
26		D05. Xác định các phương tiện, điều kiện DH
27	E. Đánh giá chương trình và việc thực hiện chương trình GDCN cho TKT	E01. Ghi nhận hiện trạng việc thực hiện chương trình ở một giai đoạn nào đó
28		E02. Phân tích nguyên nhân của thực trạng
29		E03. Đề xuất được những biện pháp để cải thiện thực trạng làm cho nó tốt hơn
30		E04. Xác định cơ sở thực tiễn quan trọng để phát triển và tổ chức thực hiện chương trình ở giai đoạn tiếp theo.

Trên cơ sở những nội dung này, chúng tôi thiết kế những chi dẫn cụ thể trong việc tổ chức rèn luyện và công cụ đo cho từng kỹ năng (Xem phụ lục)

3.1.3. Thiết kế quy trình rèn luyện KN PTCT GDCN cho TKT

3.1.3.1. Mục đích

Thiết kế quy trình rèn luyện KN PTCT GDCN cho TKT nhằm có được quy trình rèn luyện KN này một cách hợp lý để thực hiện mục tiêu, nội dung đã được thiết kế giúp cho sinh viên rèn luyện tay nghề một cách hiệu quả.

3.1.3.2. Nội dung và quy trình, cách thức rèn luyện

Các nội dung rèn luyện tập trung vào 5 nhóm kỹ năng: A/ Kỹ năng quan sát, phát hiện những dấu hiệu nghi ngờ ở trẻ; B/ Kỹ năng đánh giá và xác định

nhu cầu hỗ trợ cá nhân; C/ Kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình giáo dục cá nhân; D/ Kỹ năng phân tích CT và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp với từng trẻ và E/Kỹ năng đánh giá CT và việc thực hiện chương trình giáo dục cá nhân TKT.

3.2. Rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình GDCN trong học phần Kế hoạch giáo dục cá nhân

Các nội dung của kỹ năng PTCT GDCN sẽ được tích hợp trong học phần này theo các hình thức: giờ trên lớp (tiết lý thuyết, tiết thực hành bộ môn giả định, việc giao bài tập học ngoại khóa, Xêmina...) cân đối giữa 02 Mô đun đã xây dựng tại mục 3.1.4 tập trung vào các nội dung chính như: 1/ Xây dựng mẫu phiếu quan sát; 2/ Lập kế hoạch quan sát; 3/Xây dựng và lựa chọn công cụ đánh giá; 4/Xác định nội dung đánh giá; 5/ Lập kế hoạch đánh giá; 6/ Tiến hành các hoạt động đánh giá; 7/ Thực hiện ghi chép và lưu giữ thông tin; 8/ Viết báo cáo đánh giá; 9/ Xác định các vấn đề của trẻ cần can thiệp; 10/ Xây dựng mục tiêu; 11/ Lập mạng nội dung; 12/ Lập mạng hoạt động; 12/ Xây dựng ND, hình thức đánh giá việc thực hiện CT; 13/ Viết chương trình

(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục 3.7 ; 3.8 ; 3.9 ; 3.10)

3.3. Rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình GDCN trong học phần Tổ chức thực hiện chương trình

Với số tiết là 45 gồm cả lý thuyết và thực hành (trong đó thực hành là 20 tiết), cũng giống học phần KHGDCN, chúng tôi trao đổi dựa trên cơ sở thống nhất 2 mục tiêu của môn học và mô đun chúng tôi xây dựng. Cụ thể: 1/ Quan sát xác định đặc điểm phát triển của trẻ, đối chiếu trẻ MN và trẻ khuyết tật, nhận diện ra những “vấn đề” của TKT; 2/ Xây dựng mẫu phiếu quan sát; tiến hành quan sát và ghi chép thông tin theo mẫu phiếu hoặc những gì GV thấy trong các hoạt động hoặc chủ động kiểm tra; 3/ Phân tích về chương trình mầm non, chương trình chuyên biệt; 4/ Xác định mạng nội dung; 5/ Xác định mạng hoạt động (cách tiến hành các ND); 6/ Lập kế hoạch (ngày, tháng, tuần, năm); 7/ Soạn giảng; 8/ Thực hành tiết cá nhân; 9/ Thực hành tiết nhóm; 10/ Đánh giá kết quả thực hiện chương trình

3.4. Rèn luyện kỹ năng phát triển chương trình GDCN trong các đợt thực hành thực tập

Chương trình rèn luyện được thực hiện 15 giai đoạn, tích hợp trong 02 modul I.E.P 01 (từ giai đoạn 1 đến giai đoạn 6) và I.E.P 02 (từ giai đoạn 7 đến giai đoạn 15). Chi tiết xem phụ lục 2.5

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Các biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCTGDCN TKT được xây dựng dựa trên những nguyên tắc cơ bản và làm nền tảng định hướng cho quá trình

can thiệp trẻ đạt hiệu quả cao. Các biện pháp trên có quan hệ mật thiết với nhau, tương tác lẫn nhau và bổ trợ cho nhau trong sự thống nhất của toàn bộ quá trình rèn luyện kỹ năng cho sinh viên sư phạm ngành GDDB trình độ cao đẳng về PTCT GDCN trẻ KT. Nhìn chung các biện pháp tập trung vào việc thiết kế nhằm hỗ trợ việc giảng dạy của giảng viên trong quá trình hỗ trợ cho SV rèn luyện kỹ năng này. Đặc biệt, biện pháp 3,4 nhằm định hướng và tạo những cơ hội rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN trẻ KT cho SV, kích thích động cơ, hứng thú, tạo cho SV cơ hội rút ra được những kinh nghiệm bổ ích. Tất cả các biện pháp này đều hướng tới việc rèn luyện PTCT GDCN cho TKT một cách tích cực và hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 4. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. TỔ CHỨC THỰC NGHIỆM

4.1.1. Mục đích thực nghiệm

Nhằm kiểm chứng tính đúng đắn của giả thuyết đã nêu, đánh giá kết quả của việc thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình, quy trình và đánh giá kết quả biện pháp rèn luyện KN PTCT GDCN của sinh viên CĐSP ngành GD ĐBĐ

4.1.2. Nội dung thực nghiệm

Thực nghiệm các biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT cho SV CĐSP ngành GDDB theo tiến trình đã đề xuất trong luận án. Nội dung TN vận dụng các biện pháp rèn luyện PTCT GDCN TKT trong cả quá trình đào tạo, đặc biệt giai đoạn thực hành, thực tập với các nội dung kỹ năng: 1/ Quan sát, phát hiện những dấu hiệu “ngghi ngờ” ở trẻ; 2/ Đánh giá và xác định nhu cầu cần hỗ trợ của trẻ; 3/ Lập kế hoạch, thiết kế chương trình GD cho cá nhân TKT; 4/ Phân tích dạy học và thiết kế hoạt động dạy học; 5/ Đánh giá chương trình và việc thực hiện chương trình GDCN cho TKT đã lập

4.1.3. Qui mô và địa bàn thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành tại trường CĐSPTU.

Thực nghiệm sư phạm vòng 1, gồm 1 nhóm TN và 1 nhóm ĐC (lớp 09 CĐDB, SV năm thứ hai, mỗi nhóm gồm 18 sinh viên, thực hiện trong năm học 2010-2011 ở diện hẹp nhằm bước đầu thăm dò tính phù hợp của các biện pháp.

Thực nghiệm sư phạm vòng 2: cũng chính là 2 nhóm TN vòng 1 (lớp 09 CĐDB năm thứ ba và lớp 10-CĐDB năm thứ hai với tổng số mỗi nhóm gồm 45 SV, cũng đều đạt điểm TB học tập 7,0 trở lên). TN thực hiện trong năm học 2011-2012 ở diện rộng tại trường CĐSPTW nhằm khẳng định tính khả thi và hiệu quả của các biện pháp

4.1.4. Các tiêu chí đánh giá kết quả thực nghiệm

Đánh giá kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV CĐSP GDDB mầm non qua các bài tập (phụ lục 3).

4.1.5. Tiến trình thực nghiệm

Ở cả 2 vòng TN chúng tôi đều tiến hành theo các bước như sau:

- Tiến hành đo đầu vào về mức độ biểu hiện của KN PTCT GDCN TKT ở 2 nhóm TN và ĐC bằng các bài tập đo, được thực hiện ở đầu năm học (phụ lục 3.1).

- Tiến hành TN sự phạm tác động. Tác động các biện pháp KN PTCT GDCN TKT nhằm phát triển KN này cho SV đã được thể hiện ở các nội dung TN (Phụ lục 5) ở lớp TN, còn lớp ĐC thì vẫn thực hiện theo nội dung cũ. Trong quá trình làm TN chúng tôi QS, ghi chép, điều chỉnh những hạn chế.

- Tiến hành đo đầu ra kết quả biểu hiện của KN PTCT GDCN TKT ở cả 2 nhóm TN và ĐC sau thời gian TN theo các bài tập (phụ lục 3.2) được thực hiện đo vào cuối năm học.

Trong quá trình TN, chúng tôi theo dõi các hoạt động của SV, tiến hành ghi chép thông tin để bổ sung số liệu giúp cho việc phân tích định tính kết quả KN PTCT GDCN TKT của SV qua các bài tập đo.

Tiến hành đo kết quả KN PTCT GDCN TKT của SV thông qua 5 bài tập đo. Các kết quả bài tập được ghi theo các mẫu biên bản (phụ lục 4.1; 4.2).

4.2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

4.2.1. Phân tích và đánh giá kết quả thực nghiệm

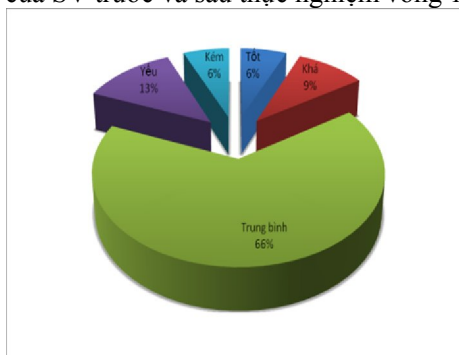
4.2.1.1. Kết quả thực nghiệm vòng 1

Bảng 4.1: Kết quả đo kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV trước và sau thực nghiệm

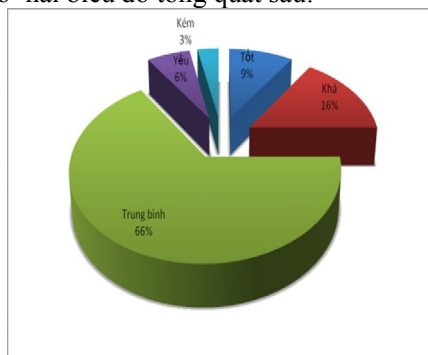
TT	Các KN	Lớp	Mức độ (%)					M	Sd	T test	Sig
			Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Vòng 1 (n=18): Trước thực nghiệm											
1	Quan sát, phát hiện những dấu hiệu “ngại ngở” ở trẻ	TN	7,5	6,5	40,6	25,0	9,4	5,47	1,68	0,40	,69
		ĐC	3,1	9,4	65,6	12,5	9,4	5,43	1,46		
2	Đánh giá và xác định nhu cầu cần hỗ trợ cá nhân	TN	9,4	9,4	40,6	12,5	9,4	5,58	1,71	1,9	,063
		ĐC	6,3	9,4	43,8	12,5	9,4	5,43	1,58		
3	Lập kế hoạch, thiết kế chương trình GD cho cá nhân TKT	TN	3,1	25,0	59,4	21,9	9,4	5,56	1,43	0,39	,700
		ĐC	6,3	21,9	62,5	25,0	3,1	5,52	1,39		
4	Phân tích dạy học và thiết kế hoạt động dạy học	TN	0	31,3	34,4	25,0	9,4	5,46	1,52	1,24	,224
		ĐC	0	28,1	43,8	15,6	12,5	5,32	1,57		
5	Đánh giá chương trình và việc thực hiện chương trình GDCN cho TKT	TN	6,3	15,6	37,5	31,3	9,4	5,33	1,46	0,12	,923
		ĐC	3,1	18,8	37,5	34,4	6,3	5,31	1,55		
6	Mức chung	TN	6,3	9,4	65,6	12,5	6,3	5,49	1,36	1,66	,107
		ĐC	3,1	12,5	62,5	15,6	6,3	5,41	1,26		
Vòng 1 (n=18): Sau thực nghiệm											
7	Quan sát, phát hiện	TN	9,4	28,1	43,8	15,6	3,1	5,95	1,38		

	những dấu hiệu “nghe ngợ” ở trẻ	ĐC	6,3	9,4	62,5	12,5	9,4	5,44	1,55	3,21	,003
8	Đánh giá và xác định nhu cầu cần hỗ trợ cá nhân	TN	12,5	25,0	53,1	6,3	3,1	6,16	1,39	2,77	,009
		ĐC	6,3	9,4	62,5	12,5	9,4	5,46	1,63		
9	Lập kế hoạch, thiết kế chương trình GD cho cá nhân TKT	TN	9,4	15,6	62,5	12,5	0	6,06	1,25	2,98	,006
		ĐC	6,3	25,0	43,8	15,6	9,4	5,54	1,47		
10	Phân tích dạy học và thiết kế hoạt động dạy học	TN	6,3	25,0	46,9	18,8	3,1	5,93	1,32	2,88	,007
		ĐC	3,1	18,8	46,9	21,9	9,4	5,25	1,65		
11	Đánh giá CT và việc thực hiện chương trình GDCN cho TKT	TN	15,6	28,1	34,4	18,8	3,1	6,07	1,55	2,58	,015
		ĐC	6,3	12,5	43,8	31,3	6,3	5,30	1,52		
12	Mức chung	TN	9,4	15,6	65,6	6,3	3,1	6,04	1,04	4,87	,000
		ĐC	3,1	9,4	65,6	12,5	9,4	5,41	1,28		

Có thể nhận thấy mức độ đạt được trong kỹ năng PTCT GDCN chung của SV trước và sau thực nghiệm vòng 1 ở hai biểu đồ tổng quát sau:



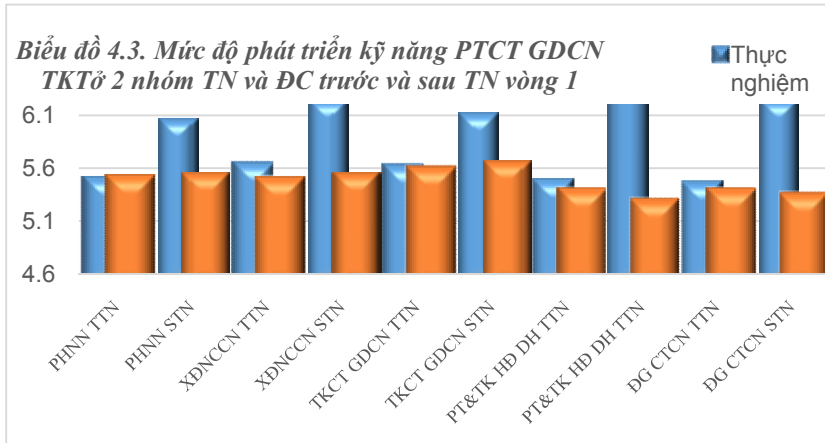
Biểu đồ 4.1: Kỹ năng PTCTGDCN TKT của nhóm TN trước TN (n=18)



Biểu đồ 4.2: Kỹ năng PTCTGDCN của nhóm TN sau TN (n=18)

Như vậy trước TN vòng 1 các kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV ở cả hai nhóm TN và ĐC biểu hiện chủ yếu ở mức độ trung bình và tương đối thấp, trong đó kỹ năng quan sát, đánh giá xác định những dấu hiệu nghe ngợ cũng như việc xác định nhu cầu hỗ trợ cá nhân đánh giá ở mức độ thấp nhất. Sau TN, mức độ biểu hiện của kỹ năng PTCT GDCN TKT có sự chênh lệch rõ nét ở 2 nhóm TN và ĐC trong đó tất cả các kỹ năng ở nhóm TN đều biểu hiện cao hơn ở nhóm ĐC. Các kỹ năng ở mức độ thấp trước TN như KN đánh giá và KN đề xuất kế hoạch tác động cũng được thay đổi tốt hơn ở nhóm TN sau vòng 1. Điều đó chứng tỏ các biện pháp đề xuất là phù hợp và có tác dụng giúp cho các KN PTCT GDCN TKT của SV đạt ở mức độ cao hơn.

Sau khi tổ chức cho sinh viên thực hành quan sát, đánh giá, lập CTGDCN tại lớp cũng như trên thực tiễn với trẻ ở trường CĐSP và cơ sở có TKT cho nhóm TN, chúng tôi đã nhận được sự ủng hộ, đồng tình cao của phần lớn những người quan tâm đến công tác này.



Tại vòng 1 do chưa có những yêu cầu cụ thể đối với GVSP khi chấm thực hành cho SV để lồng ghép các nội dung PTCT GDCN trẻ KT nên các ý kiến đóng góp đều cho rằng việc đánh giá kết quả thực hành của sinh viên là chưa hoàn toàn chính xác. Vì vậy, các biện pháp RLKN PTCT GDCN trẻ KT cần phải được kiểm nghiệm ở vòng 2.

Các ý kiến nhận xét cũng đều cho rằng, việc thực hiện các biện pháp RLKN PTCT GDCN trẻ KT hoàn toàn có thể thực hiện thành công, bởi vì các nội dung PTCT GDCN trẻ KT gắn liền với chương trình đào tạo cũng như các nội dung yêu cầu trong các đợt thực hành tại các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, một số ý kiến cũng mong muốn đề xuất những dạng TKT cần “nhẹ” hơn, trẻ có thể thích nghi với các hoạt động chung nhiều hơn, đặc biệt áp lực công việc của GV cần giảm tải và tạo quyền chủ động nhiều hơn cho họ trong việc tự thiết kế các nhiệm vụ và tổ chức thực hiện CTGDCN trẻ.

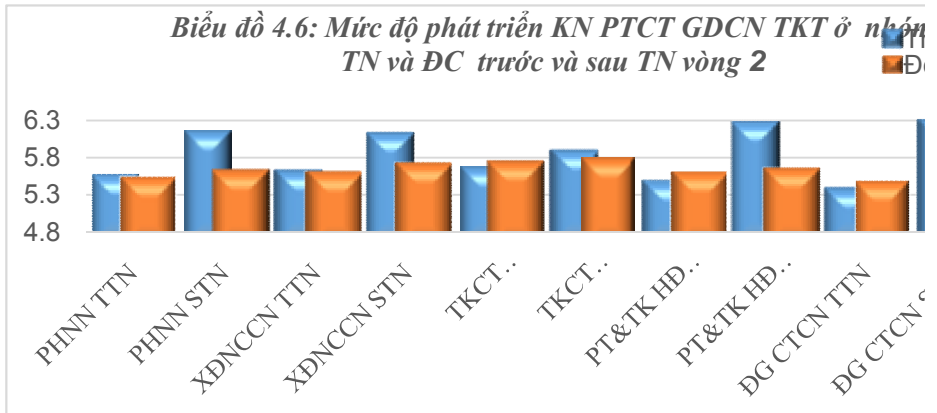
Kiểm định kết quả TN: Phép thử T- Test cho thấy, với độ chính xác 95%, kết quả ở nhóm TN cao hơn nhóm ĐC, các giá trị trung bình được coi là có ý nghĩa và xác suất $P < 0,05$ (thể hiện ở tất cả các KN thành phần). Kết quả kiểm định chứng tỏ TN có tác động tích cực đến kỹ năng PTCT GDCN trẻ KT của sinh viên. Điều này chứng tỏ các biện pháp TN mà chúng tôi đề xuất là có thể chấp nhận được và giả thuyết khoa học đưa ra là đúng.

4.2.2. Kết quả thực nghiệm vòng 2.

Bảng 4.2: Kết quả đo kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV trước và sau thực nghiệm vòng 2 (n=45)

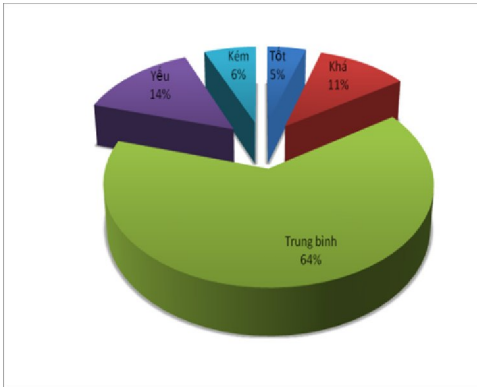
Các kỹ năng	Nhóm	Mức độ (%)					m	Sd	T test	Sig
		Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Vòng 2 (n=45):		Trước thực nghiệm								
KN quan sát phá hiện những dấu hiệu “nghỉ ngơi”	TN	7,8	12,5	51,6	18,8	9,4	5,44	1,52	,818	,416
	ĐC	0	14,1	59,4	21,9	4,7	5,40	1,24		
KN đánh giá và xác định nhu cầu cá nhân	TN	7,8	9,4	60,9	12,5	9,4	5,51	1,63	,155	,877
	ĐC	1,6	15,6	60,9	17,2	4,7	5,49	1,25		
KN lập kế hoạch, thiết kế CTGD	TN	4,7	23,4	42,2	23,4	6,3	5,54	1,40	,111	,912
	ĐC	7,8	17,2	48,4	21,9	4,7	5,54	1,35		
KN PTDH & TK hoạt động DH	TN	0	29,7	39,1	20,3	10,9	5,39	1,54	1,32	,192
	ĐC	1,6	26,6	42,2	20,3	9,4	5,45	1,45		
KN ĐG CT và việc THCT GDCN	TN	4,7	17,2	37,5	32,8	7,8	5,31	1,53	,372	,771
	ĐC	4,7	17,2	40,6	29,7	7,8	5,29	1,48		
Mức chung	TN	4,7	10,9	64,1	14,1	6,3	5,45	1,29	,252	,802
	ĐC	0	14,1	65,6	15,6	4,7	5,44	1,06		
Sau thực nghiệm										
KN QSPH những dấu hiệu “nghỉ ngơi”	TN	12,5	25,0	42,2	18,8	1,6	5,95	1,50	5,43	,000
	ĐC	0	17,2	57,8	23,4	1,6	5,43	1,14		
KN đánh giá và xác định nhu cầu cá nhân	TN	10,9	23,4	50,0	12,5	3,1	6,03	1,44	3,95	,000
	ĐC	0	15,6	64,1	17,2	3,1	5,55	1,20		
KN lập kế hoạch, thiết kế CTGD	TN	7,8	21,9	51,6	17,2	1,6	5,96	1,32	3,38	,001
	ĐC	3,1	21,9	53,1	20,3	1,6	5,66	1,19		
KN PT & TK hoạt động DH	TN	10,9	20,3	45,3	21,9	1,6	6,09	1,38	4,89	,000
	ĐC	3,1	23,4	45,3	18,8	9,4	5,47	1,48		
KN ĐG hương trình và việc THCT GDCN	TN	14,1	28,1	31,3	21,9	4,7	6,08	1,61	5,64	,000
	ĐC	6,3	18,8	37,5	29,7	7,8	5,32	1,57		
Mức chung	TN	9,4	17,2	64,1	9,4	0	6,01	1,13	8,39	,000
	ĐC	0	14,1	68,8	15,6	1,6	5,49	1,00		

Như vậy trước TN vòng 2 các kỹ năng PTCT GDCN trẻ của SV ở cả 2 nhóm TN và ĐC biểu hiện chủ yếu ở mức độ trung bình và tương đối thấp, trong đó KN đề xuất kế hoạch tác động và KN đánh giá ở mức độ thấp nhất. Nhìn chung SV ở cả 2 nhóm đều chưa tích cực trong việc vận dụng kiến thức về phương pháp tổ chức phát triển chương trình bao gồm việc phát triển CTGDCN. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến kết quả đánh giá, xác định vấn đề của trẻ cũng như xây dựng và PTCT GDCN KN của SV còn chưa đạt hiệu quả.

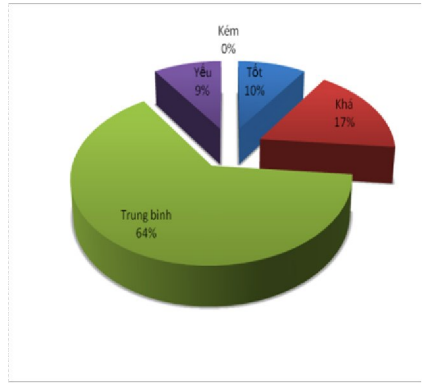


Những số liệu trên cho thấy, nếu SV có KN thực hiện đầy đủ các thao tác trong khâu xác định các mốc phát triển cũng như công cụ đánh giá phù hợp, các vấn đề của trẻ được xác định và đảm bảo tính chính xác và khách quan. Nếu công cụ không đúng, không nắm rõ và xác định vấn đề chính xác của trẻ thì chương trình đưa ra không hiệu quả và những hỗ trợ đưa ra mất hiệu quả và thiếu trọng tâm. Việc xác định nhu cầu cá nhân dựa trên suy xét đúng cộng với việc phân tích các hoạt động dạy học hợp lý sẽ góp phần tích cực để đưa ra được các kế hoạch cũng như chương trình cá nhân hợp lý, giúp trẻ tiến bộ.

Có thể nhận thấy mức độ đạt được trong kỹ năng PTCT GDCN chung của SV trước và sau thực nghiệm vòng 2 ở hai biểu đồ tổng quát sau:



Biểu đồ 4.3: Kỹ năng PTCT GDCN của nhóm TN trước TN (n=45)



Biểu đồ 4.4: Kỹ năng PTCT GDCN trẻ của nhóm TN sau TN (n=45)

4.1.2. Kết luận về thực nghiệm

Kết quả TN ở vòng 1 và vòng 2 cho thấy: Trước TN, kỹ năng PTCT GDCN TKT ở cả 2 nhóm TN và ĐC là tương đương nhau. Phần lớn SV có kỹ năng PTCT GDCN trẻ ở mức độ trung bình. Trong quá trình TN, SV ở nhóm TN được tham gia vào nhiều nội dung TN đa dạng, phong phú và được luyện tập tốt hơn. GVSP đã có những biện pháp kích thích động cơ, hứng thú tìm hiểu quan sát cũng như thực hiện đánh giá bài bản, thảo luận nhiều về CTGDCN cần xây dựng cho TKT của SV tương đối thường xuyên.

Sau TN, mức độ kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV ở nhóm TN đều cao hơn nhóm ĐC. SV ở nhóm TN thể hiện rõ rệt hứng thú với hoạt động tìm hiểu, quan sát, đánh giá xác định nhu cầu GDCN, xây dựng và thực hiện CTGDCN cho TKT. SV tích cực chủ động sáng tạo trong tất cả các khâu từ thiết kế nhiệm vụ QS đến khâu tiến hành đánh giá, rồi lên chương trình và tổ chức thực hiện chương trình. Trong đó mức độ kỹ năng quan sát, phát hiện nhu cầu GDCN và kỹ năng xây dựng CTGDCN cũng như đánh giá kết quả XD và TCTH CTGDCN tăng lên rõ hơn ở nhóm TN sau TN. Các phân tích chương trình và phân tích các hoạt động dạy học cũng được cải thiện sau TN. Kết quả kiểm định thống kê đã khẳng định sự khác biệt giữa 2 nhóm TN và ĐC là có ý nghĩa. Như vậy có thể khẳng định các biện pháp đã TN có tác động tích cực đến sự phát triển kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV.

Kết quả của 2 vòng TN đã khẳng định tính khả thi và hiệu quả giáo dục của các biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT đồng thời chứng minh giả thuyết khoa học đã đưa ra là đúng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Kỹ năng PTCT GDCN TKT là một KN rất cần thiết trong các KNSP, là nghệ thuật sư phạm của mỗi người GV GDĐB. Không có Kỹ năng

PTCT GDCN TKT thì không thể có các KNNN khác. Kỹ năng PTCT GDCN TKT bao gồm các nhóm KN cơ bản sau đây: quan sát phát hiện những dấu hiệu nghi ngờ ở trẻ; kỹ năng đánh giá và xác định nhu cầu GDCN; kỹ năng lập KH, thiết kế GD thiết kế CTGDCN; Phân tích dạy học và thiết kế các hoạt động dạy học; và kỹ năng đánh giá CT và thực hiện CTGDCN.

1.2. Thực trạng Kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV qua khảo sát chủ yếu tập trung ở mức độ trung bình và yếu. Phần lớn GVSP, SV đều nhận thấy sự cần thiết phải sử dụng các biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT trẻ. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy GVSP chưa thật sự quan tâm đến việc Kỹ năng PTCT GDCN TKT cho SV. GVSP chưa chú ý khuyến khích SV tham gia và quá xây dựng và PT KHGDCN, chưa chú động hỗ trợ SV rèn các kỹ năng xác định nhu cầu cá nhân cũng như PTCT GDCN vì vậy, kết quả thực hiện nhiệm vụ này của SV ở các trường mầm non là không cao, nhiều khi là lấy lệ. Kỹ năng PTCT GDCN TKT của SV còn hạn chế nhiều nên đã kéo theo hàng loạt các KNNN khác cũng bị ảnh hưởng.

1.3. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn, luận án đề xuất các biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT bao gồm:

- Đưa các nội dung thành phần rèn luyện kỹ năng vào các môn trong chương trình đào tạo: Tâm lý trẻ em, Giáo dục mầm non; các học phần phương pháp GDMN, KHGDCN, Tổ chức thực hiện CT...

- Tổ chức xây dựng và PT CTGDCN và rèn luyện kỹ năng này trong thực hành thực tập

- Thiết kế các hoạt động thực hành quan sát, đánh giá và xây dựng, tổ chức thực hiện CT GDCN và hướng dẫn thực hiện rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT cho sinh viên trong các giờ học tại trường sư phạm và thực hành ở các cơ sở có TKT.

- Hướng dẫn đánh giá việc xây dựng và thực hiện CT GDCN

Các biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT cho SV được vận dụng một cách linh hoạt, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản trong quá trình RL tay nghề cho SV.

1.4. Kết quả TN cho thấy các biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT cho SV SPMN ngành GDDB đã đề xuất chứng minh được tính khả thi và hiệu quả giáo dục trong việc RLKNNN của SV nói riêng và trong công tác đào tạo nghề GV GDDB MN nói chung.

2. Kiến nghị

2.1. Mặc dù trong điều kiện của một công trình nghiên cứu cá nhân song các kết quả của thực nghiệm cho thấy, cũng đến lúc cần có một nghiên cứu cụ thể, sâu rộng hơn về kỹ năng PTCT GDCN với tư cách như một kỹ năng nghề, là chuẩn đầu ra của SV CĐSPMN ngành giáo dục đặc biệt

- Cần tiến hành điều chỉnh mục tiêu chương trình khung đào tạo GV GDDB MN tại các trường CĐSP với chuẩn đầu ra của giáo viên GDDB MN

- Cần tổ chức các đợt tập huấn hoặc hội thảo có sự tham gia của các trường CĐSPMN và các cơ sở giáo dục mầm non khác về những vấn đề đánh giá xác định nhu cầu GDCN TKT cho GVMN và GV GDDB MN.

Mặt khác, các trường cần xây dựng tiêu chí đánh giá, kiểm định dựa trên chuẩn đầu dựa trên kết quả tổ chức thực hiện chương trình. Trên cơ sở đó có sự điều chỉnh việc chỉ đạo xây dựng hoặc hoàn thiện chương trình khung đào tạo GVMN trình độ cao đẳng nhằm tạo cơ hội cho các trường có thời lượng đào tạo chuyên ngành chuyên sâu nhiều hơn.

- Tăng cường sự đầu tư về cơ sở vật chất và đội ngũ GVSP trong thời gian tới càng cao của xã hội

2.2. Đối với các cơ sở đào tạo và trường mầm non

- Các trường CĐSP cần nhận thức đúng đắn hơn về tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN TKT cho SV và mạnh dạn hơn trong việc điều chỉnh chương trình chi tiết. Các trường nên cân nhắc và xây dựng thêm một số học phần mới như học phần Quan sát và đánh giá trong GDĐB, hoặc các chuyên đề chuyên sâu về PTCT GDCN. Xuất phát điểm của việc thực hiện chương trình GDĐB MN mới muốn đạt kết quả thì phải bắt đầu từ đây. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện một số biện pháp rèn luyện kỹ năng PTCT GDCN cho SV trong các dạng môi trường CS – GD TKT

- Tăng cường các bài tập quan sát, đánh giá cũng như XD & TC thực hiện chương trình theo hướng tiếp cận trực tiếp vào các hoạt động tổ chức trong trường MN trong quá trình học tập tại trường cao đẳng và các đợt thực hành, thực tập; cung cấp kinh nghiệm PTCT GDCN cho SV. Dành đủ thời gian để SV trải nghiệm sự hữu hiệu của việc XDCT GDCN với sự tiến bộ của TKT.

- Các trường mầm non nên tổ chức các đợt tập huấn cho GVMN về tầm quan trọng của việc QS trẻ. Cần thay đổi nhận thức, cách làm khi chăm sóc- giáo dục trẻ và nên bắt đầu từ khâu QS trẻ, hiểu đúng những dấu hiệu bản chất của trẻ. Những việc làm này sẽ giúp GV GDĐB MN tiết kiệm công sức, thời gian và mang đến cho trẻ sự phát triển.

2.3. Đối với sinh viên

- SV cần nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc rèn luyện KNNN trong đó có kỹ năng PTCT GDCN TKT. Kỹ năng này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả học tập và thực hiện công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

- SV cần tự rèn luyện thái độ kiên trì, ân cần đối với trẻ, biết yêu thương, quan tâm, chăm sóc trẻ, tạo cho trẻ cảm giác an toàn trong các hoạt động.

- Nghiên cứu kĩ các đặc điểm tâm lí của trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như dấu hiệu và đặc điểm phát triển TKT vì muốn hỗ trợ cá nhân hiệu quả phải hiểu trẻ, đặc biệt là hiểu nhu cầu cá nhân.

- Chủ động tìm kiếm thu thập các thông tin về trẻ thông qua các hình thức quan sát, các công cụ đánh giá khả năng, nhu cầu trẻ cũng như tài liệu hỗ trợ có liên quan